

KIẾN THỨC VỀ HÀNH VI TÌNH DỤC AN TOÀN CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI HÀ NỘI NĂM 2023

Trịnh Phương Anh¹, Nguyễn Ngọc Oanh², Hoàng Thị Xuân Hương¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức về hành vi tình dục an toàn và tìm hiểu một số yếu tố liên quan của sinh viên tại Hà Nội. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang trên 384 sinh viên của 4 trường đại học. **Kết quả:** Điểm trung bình kiến thức của sinh viên về hành vi tình dục an toàn là 84.1 ± 12.75 . Sinh viên có kiến thức tốt về tránh các hành vi nguy hiểm khi quan hệ tình dục, tránh tiếp xúc với chất dịch cơ thể, sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục. Điểm kiến thức ở một số hành vi như sử dụng chất diệt tinh trùng và tìm hiểu lịch sử quan hệ tình dục của bạn tình còn thấp. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức về hành vi tình dục an toàn của sinh viên gồm giới tính, tình trạng hôn nhân, năm học, tình trạng và độ tuổi quan hệ tình dục. **Từ khóa:** Kiến thức, hành vi tình dục an toàn, sinh viên.

SUMMARY

KNOWLEDGE ABOUT SAFE SEX BEHAVIOURS OF STUDENTS IN SOME UNIVERSITIES IN HANOI IN 2023

Objects: Describe knowledge about safe sex behaviors; Identify related factors among students in 4 universities in Hanoi. **Subjects and Methods:** The cross-sectional descriptive study was conducted on 384 students of 4 universities. **Results:** Average score of knowledge about safe sex behaviors is 84.1 ± 12.75 . Students have good knowledge about avoidance of risky behaviors, avoidance of bodily fluids, and usage of condoms when having sexual intercourse. However, some aspects have low knowledge scores, such as: usage of spermicide and inquiry about the partner's sexual history. Related factors of knowledge about sexual behaviors are gender, marital status, school year, status, and age when having sex for the first time. **Keywords:** Knowledge, safe sex behavior, student, SSBQ

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam năm 2010 cho thanh niên có xu hướng hoạt động tình dục sớm với tuổi trung bình là 18,1 [6]. Mỗi năm, tại Việt Nam có khoảng hơn 200.000 người mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục như HIV, lậu, giang

mai, rận mu, sùi mào gà... đặc biệt trong đó 48% là ở lứa tuổi từ 16-29 [5]. Thống kê của Hội kế hoạch hóa gia đình cho thấy Việt Nam là 1 trong 3 nước có tỉ lệ nạo phá thai cao nhất thế giới (1,2 – 1,6 triệu ca mỗi năm) sau Trung Quốc và Ấn Độ, với khoảng 20% thuộc lứa tuổi vị thành niên [5].

Sinh viên là đối tượng có cuộc sống tự lập, xa gia đình, có nhiều mối quan hệ bạn bè, bên cạnh đó, việc tiếp cận với nhiều nguồn thông tin khác nhau dễ làm sinh viên có những quan điểm, kiến thức sai [2]. Đây là đối tượng có nguy cơ cao trong vấn đề quan hệ tình dục sớm, quan hệ tình dục trước hôn nhân. Việc can thiệp nâng cao kiến thức về hành vi tình dục an toàn cho sinh viên tại Hà Nội là một việc làm hoàn toàn cần thiết và phù hợp với hoàn cảnh xã hội. Vì vậy, chúng tôi tiến hành đề tài nhằm: *Mô tả kiến thức về hành vi tình dục an toàn và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức hành vi tình dục an toàn (TDAT) của sinh viên một số trường đại học tại Hà Nội.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên hệ đại học chính quy trường Đại học Phenikaa, Đại học Đại Nam, Đại học Kiến trúc Hà Nội, Học viện công nghệ bưu chính viễn thông

2.1.1. Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên hệ đại học chính quy các trường

2.2. Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 12/2022 - 5/2023

2.3. Địa điểm nghiên cứu: Đại học Phenikaa, Đại học Đại Nam, Đại học Kiến trúc Hà Nội, Học viện công nghệ bưu chính viễn thông.

2.4. Thiết kế nghiên cứu: Cắt ngang

2.5. Cỡ mẫu nghiên cứu và chọn mẫu nghiên cứu:

Cỡ mẫu: Tính theo công thức tính cỡ mẫu ước tính một tỷ lệ trong nghiên cứu mô tả với $p=0,49$. Nghiên cứu chọn được 384 sinh viên.

Phương pháp chọn mẫu: Thuận tiện.

2.6. Bộ công cụ: Bộ công cụ khảo sát gồm 3 phần:

Phần I: Thông tin chung và các đặc điểm liên quan đến giáo dục giới tính của sinh viên.

Phần II: Kiến thức về hành vi tình dục an toàn qua bộ câu hỏi Safe Sex Behavior Questionnaire

Phần III: Nhu cầu tham gia giáo dục giới tính.

¹Trường Đại học Phenikaa

²Bệnh viện Bạch Mai

Chịu trách nhiệm chính: Đại học Phenikaa

Email: huong.hoangthixuan@phenikaa-uni.edu.vn

Ngày nhận bài: 14.3.2024

Ngày phản biện khoa học: 25.4.2024

Ngày duyệt bài: 30.5.2024

2.7. Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu trong đề tài được thu thập bằng phương pháp tự điền dựa trên bộ câu hỏi soạn sẵn, bằng phương pháp gửi phiếu qua Google form.

2.8. Phương pháp phân tích số liệu: Số liệu sau khi thu thập được làm sạch và phân tích bằng phần mềm SPSS 22.0.

2.9. Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được sự chấp thuận thông qua hội đồng nghiên cứu khoa học trường Đại học Phenikaa tại quyết định số 04/2023/DHP-HĐĐĐ.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu. Độ tuổi trung bình của sinh viên là 20.74 ± 1.45 (min=18, max=24). Số lượng nữ nhiều hơn gấp 2 lần số lượng nam và LGBT. Sinh viên ở trọ chiếm tỷ lệ cao nhất (60,2%) và phần lớn sinh viên đang trong giai đoạn độc thân (66,4%).

3.2. Mô tả kiến thức về hành vi tình dục an toàn. Điểm trung bình kiến thức của sinh viên về tình dục an toàn là $84,1 \pm 12,75$ trên thang điểm 108, đạt mức trung bình cao, đa số các hành vi có điểm trung bình lớn hơn 2 điểm (trên thang điểm 4). Kiến thức về tình dục an toàn được chia làm 4 cấu phần: Cấu phần kiến thức bảo vệ khi quan hệ tình dục; tránh các hành vi nguy hiểm khi quan hệ tình dục; tránh tiếp xúc với chất dịch cơ thể khi quan hệ tình dục và kỹ năng giao tiếp về tình dục với bạn tình.

3.2.1. Kiến thức bảo vệ khi quan hệ tình dục

Bảng 3.1: Kiến thức bảo vệ khi quan hệ tình dục

STT	Câu hỏi	Trung bình (Mean±SD)
1	Sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục	3,45±0,92
2	Dùng màn dạo đầu để đeo bao cao su (hoặc để bạn tình đeo bao)	2,73±1,17
3	Sử dụng chất diệt tinh trùng hoặc bao cao su mỗi lần quan hệ tình dục	2,59±1,29
4	Mang theo bao cao su trong buổi hẹn	3,35±1,03
5	Quan hệ tình dục bằng miệng có sử dụng màng chắn	3,09±1,12
6	Quan hệ tình dục mà có sử dụng bao cao su ở thời điểm cao hứng	3,35±0,93
Tổng điểm		18.55±3.63 (7 - 24)

Nhận xét: Hành vi "Tôi luôn luôn sử dụng

bao cao su khi quan hệ tình dục" có điểm trung bình cao nhất. Hành vi có điểm trung bình thấp nhất là "Tôi dùng màn dạo đầu đủ lâu để đeo bao cao su (hoặc để bạn tình đeo bao)".

3.2.2. Kiến thức tránh các hành vi nguy hiểm khi quan hệ tình dục

Bảng 3.2: Kiến thức về tránh các hành vi nguy hiểm khi quan hệ tình dục

STT	Câu hỏi	Trung bình (Mean±SD)
1	Không sử dụng ma túy hoặc các loại (tiền chất) ma túy khác trước hoặc trong khi quan hệ tình dục.	3,86±0,56
2	Không quan hệ tình dục với người tiêm chích ma túy.	3,79±0,69
3	Không quan hệ tình dục qua đường hậu môn.	3,62±0,84
4	Không quan hệ tình dục với một người song tính hoặc đồng tính.	3,5±0,98
5	Quan hệ tình dục qua đường hậu môn mà có sử dụng bao cao su.	3,7±0,74
6	Không dùng đồ uống có cồn trước hoặc trong khi quan hệ tình dục.	3,09±1,01
Tổng điểm		21.56±3.6

Nhận xét: Tất cả các hành vi đều đạt điểm trung bình khá cao (lớn hơn 3 trên thang điểm 4). Kết quả này cho thấy sinh viên có kiến thức tốt về tránh các hành vi nguy hiểm khi QHTD như sử dụng ma túy và quan hệ qua đường hậu môn.

3.2.3. Kiến thức tránh tiếp xúc với chất dịch cơ thể khi quan hệ tình dục

Bảng 3.3: Kiến thức tránh tiếp xúc với chất dịch cơ thể khi quan hệ tình dục

STT	Câu hỏi	Trung bình (Mean±SD)
1	Tránh tiếp xúc trực tiếp với tinh dịch hoặc dịch tiết âm đạo,	2,65±1,18
2	Tránh quan hệ tình dục khi bị viêm loét hoặc ngứa vùng kín,	3,36±1,11
3	Kiểm tra vết loét/cắt/xây xước ở vùng sinh dục của bạn tình,	3,12±1,09
4	Sử dụng găng cao su cho màn dạo đầu khi bị đứt tay hoặc trầy xước,	2,04±1,24
5	Tránh tiếp xúc trực tiếp với máu của bạn tình,	3,16±1,14
Tổng điểm		14,69±4,13

Nhận xét: Hành vi có điểm cao nhất là "Tôi tránh quan hệ tình dục khi bị viêm loét hoặc ngứa vùng kín". Đặc biệt hành vi "sử dụng găng

tay cao su cho màn dạo đầu khi bị đứt tay hoặc trầy xước” có điểm trung bình thấp, chỉ đạt 2 trên thang điểm 4.

3.2.4. Kiến thức kỹ năng giao tiếp về tình dục với bạn tình

Bảng 3.4: Kiến thức kỹ năng giao tiếp về tình dục với bạn tình

STT	Câu hỏi	Trung bình (Mean±SD)
1	Hỏi người bạn tình về lịch sử quan hệ tình dục,	2,41±1,16
2	Hỏi bạn tình về lịch sử quan hệ tình dục với người song tính/đồng tính,	2,03±1,20
3	Không quan hệ tình dục vào buổi hẹn hò đầu tiên,	3,64±0,81
4	Không quan hệ tình dục khi không biết về lịch sử tình dục của bạn tình,	2,79±1,25
5	Bảo vệ quan điểm khi không đồng tình với ý kiến của bạn tình về áp dụng các biện pháp tình dục an toàn hơn,	3,00±1,23

6	Hỏi bạn tình của mình về việc tiêm/chích ma túy,	3,01±1,25
7	Chuẩn bị tinh thần để quan hệ tình dục an toàn,	3,25±1,11
8	Từ chối khi bạn tình nhất định muốn quan hệ tình dục mà không có bao cao su,	3,13±1,12
9	Không khó khăn để thảo luận về các vấn đề tình dục với bạn tình,	2,82±1,1
10	Đề cập về các biện pháp tình dục an toàn hơn với bạn tình,	3,23±1,03
Điểm trung bình		29,3±6,04

Nhận xét: Phần lớn các hành vi đều đạt điểm trung bình cao (lớn hơn 3 trên thang điểm 4), tuy nhiên các hành vi nhằm tìm hiểu lịch sử quan hệ tình dục của đối phương còn chưa cao (trong mức điểm từ 2 đến 3), trong đó, hành vi “Tôi hỏi bạn tình về lịch sử quan hệ tình dục với người song tính/đồng tính” đạt điểm trung bình thấp nhất.

3.3. Các yếu tố liên quan tới kiến thức về hành vi tình dục an toàn

Bảng 3.5: Các yếu tố liên quan tới kiến thức về hành vi tình dục an toàn

STT	Đặc điểm (n=384)	Câu phân kiến thức									
		Điểm kiến thức chung		Bảo vệ khi quan hệ tình dục		Tránh các hành vi nguy hiểm		Tránh tiếp xúc chất dịch cơ thể		Kỹ năng giao tiếp với bạn tình	
		Mean ± SD	p	Mean ± SD	p	Mean ± SD	p	Mean ± SD	p	Mean ± SD	p
1	Giới tính										
	Nam	79.47 ± 12.09	< 0.001	17.55 ± 3.47	< 0.001	21.66 ± 3.55	< 0.001	13.51 ± 4.34	< 0.001	26.75 ± 5.7	< 0.001
	Nữ	87.59 ± 11.93		19.45 ± 3.36		21.8 ± 3.47		15.49 ± 3.87		30.85 ± 5.83	
	LGBT	75.91 ± 12.62		15.3 ± 3.81		18.61 ± 4.08		13.57 ± 3.72		28.43 ± 5.03	
Tình trạng hôn nhân											
2	Độc thân	84.68 ± 12.51	0.032 (giữa tình trạng độc thân và đã kết hôn)	18.67 ± 3.57	0.019	21.47 ± 3.68	0.53	15.07 ± 4.06	0.65	29.49 ± 5.99	0.18
	Đang trong một MQH	83.46 ± 12.48		18.48 ± 3.61		21.81 ± 3.32		14.08 ± 4.05		29.1 ± 5.98	
	Đã kết hôn	70.00 ± 23.26		14.2 ± 5.26		20.4 ± 6.5		10.8 ± 6.83		24.6 ± 9.37	
	Năm học										
5	Năm 1	84.47 ± 14.29	0.06	18.4 ± 4.03	0.66	22.15 ± 3.67	0.17	14.75 ± 4.81	0.11	29.19 ± 6.9	0.01
	Năm 2	83.47 ± 13.19		18.59 ± 3.78		22.05 ± 3.05		14.21 ± 4.33		28.63 ± 6.35	
	Năm 3	81.81 ± 13.58		18.24 ± 3.87		21.29 ± 3.95		14.09 ± 4.31		28.2 ± 6.11	
	Năm cuối	86.21 ± 10.8		18.82 ± 3.15		21.20 ± 3.65		15.5 ± 3.44		30.69 ± 5.17	
	Đã từng quan hệ										
8	Đã từng quan hệ		0.76		0.049		0.92		0.24		0.65

		tình dục									
	Đã từng	83.05 ± 11.19	18.05 ± 3.65		21.54 ± 3.32		14.36 ± 3.65		29.1 ± 5.3		
	Chưa từng	84.66 ± 13.5	18.82 ± 3.59		21.58 ± 3.75		14.87 ± 4.37		29.4 ± 6.41		
9	Tuổi quan hệ tình dục lần đầu			0.38		0.3		0.012		0.028	
	< 18 tuổi	76.85 ± 15.04	17.25 ± 4.72		20.9 ± 4.24		12.25 ± 4.55		26.45 ± 5.9		
	≥ 18 tuổi	83.63 ± 10.82	18.04 ± 3.55		21.7 ± 3.00		14.54 ± 3.53		29.35 ± 5.3		

Nhận xét: Sinh viên nữ, sinh viên độc thân, sinh viên quan hệ tình dục lần đầu sau 18 tuổi có kiến thức về tình dục an toàn tốt hơn những đối tượng còn lại ($p < 0.05$)

Về kiến thức bảo vệ khi quan hệ tình dục: Sinh viên nữ, sinh viên độc thân, sinh viên chưa quan hệ tình dục có kiến thức tốt hơn những đối tượng còn lại ($p < 0.05$).

Về kiến thức tránh các hành vi nguy hiểm khi quan hệ tình dục: Sinh viên nam có kiến thức cao hơn LGBT ($p < 0.05$).

Về kiến thức tránh tiếp xúc với chất dịch cơ thể: Sinh viên nữ có kiến thức cao hơn nam, sinh viên quan hệ tình dục sau 18 tuổi có kiến thức cao hơn đối tượng còn lại ($p < 0.05$).

Về kỹ năng giao tiếp về tình dục với bạn tình: Sinh viên nữ, sinh viên năm cuối, sinh viên quan hệ tình dục lần đầu sau 18 tuổi có kiến thức tốt hơn những đối tượng còn lại ($p < 0.05$).

IV. BÀN LUẬN

Trong 384 sinh viên, 1/3 số sinh viên trả lời mình đã quan hệ tình dục. Kết quả này đồng thời cao hơn kết quả của một số nghiên cứu trước đây [3]. Trong số đó có tới 15% sinh viên quan hệ tình dục trước năm 18 tuổi. Điều này đáng chú ý bởi vì giai đoạn trước 18 tuổi được coi là quan hệ tình dục sớm với rất nhiều hậu quả có thể xảy ra. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của ThS. Bùi Văn Khánh với 12.7% sinh viên quan hệ tình dục trước 18 tuổi [2].

Kiến thức về hành vi TDAN của sinh viên. Sinh viên có điểm trung bình ở mức trung bình cao, điểm trung bình với đa số hành vi đều lớn hơn 2 điểm (trên thang điểm 4). Kết quả này cao hơn kết quả của nghiên cứu của ThS. Bùi Văn Khánh với điểm trung bình về hành vi tình dục nguy cơ của sinh viên là 0.78 trên thang điểm 4 [2].

Về mặt kiến thức bảo vệ khi quan hệ tình dục, sinh viên có điểm trung bình ở mức trung bình khá. Các hành vi có điểm TB đạt mức tốt bao gồm việc sử dụng bao cao su, thời điểm đeo bao cao su, mang bao cao su bên mình. Điều này cho thấy sinh viên có kiến thức đúng cũng

như đã biết tầm quan trọng của việc sử dụng BCS khi QHTD. Tuy nhiên kiến thức về việc sử dụng BCS hoặc màng chắn khi QHTD bằng miệng, sử dụng chất diệt tinh trùng và thời điểm đeo bao cao su chưa cao. Có sự khác biệt này là do những kiến thức khác liên quan tới vấn đề thực hiện tình dục an toàn chưa được truyền thông rộng, chưa được giảng dạy sâu tại trường [5]. Việc ít sử dụng các biện pháp khác ngoài BCS là do BCS thường xuyên được đề cập trên các phương tiện truyền thông đại chúng, còn các biện pháp khác thì rất ít được đề cập tới. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của ThS. Nguyễn Thanh Phong [4].

Về mặt kiến thức tránh các hành vi nguy hiểm khi QHTD, nhìn chung sinh viên đều có kiến thức đạt mức trung bình cao về việc tránh các hành vi nguy hiểm như sử dụng ma túy, quan hệ qua đường hậu môn, quan hệ với người song tính hoặc đồng tính. Lý do là hầu hết sinh viên đều biết tác hại của ma túy và việc pháp luật không cho phép sử dụng ma túy. Bên cạnh đó, phần lớn hành vi quan hệ tình dục qua đường hậu môn chỉ xảy ra ở những người đồng tính nam [2], trong khi đó đối tượng nghiên cứu ở đây là người đồng tính nam rất ít. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của ThS. Bùi Văn Khánh với hành vi "Quan hệ tình dục qua đường hậu môn mà không sử dụng BCS" có tỷ lệ sinh viên tham gia thấp nhất với chỉ 11.7% sinh viên có hành vi này [2]. Đây là việc cần thiết vì QHTD qua đường hậu môn là hành vi nguy hiểm vì hậu môn chứa rất nhiều vi khuẩn, dẫn đến nhiều nguy cơ nhiễm khuẩn cũng như các bệnh như trĩ, đường ruột [8].

Về mặt kiến thức tránh tiếp xúc với chất dịch cơ thể khi QHTD, phần lớn sinh viên có hành vi tránh tiếp xúc trực tiếp với máu của bạn tình và tránh QHTD khi bị viêm loét hoặc ngứa vùng kín ở mức tốt. Đây là đường lây truyền của rất nhiều bệnh như HIV, viêm gan B vì vậy việc tránh tiếp xúc trực tiếp với máu của đối phương là rất cần thiết. Tuy nhiên hành vi sử dụng găng tay cao su cho màn dạo đầu khi bị đứt tay hoặc trầy xước

chưa được phổ biến [5]. Điều này cho thấy sinh viên thiếu kiến thức về biện pháp bảo vệ này, việc để bàn tay trần xúc tiếp với vùng sinh dục của bạn tình ẩn chứa rất nhiều nguy cơ lây bệnh.

Về mặt kiến thức kỹ năng giao tiếp về tình dục với bạn tình, sinh viên có kiến thức ở mức trung bình cao về việc bảo vệ quan điểm của mình cũng như thảo luận về việc thực hiện các biện pháp tình dục an toàn. Điều này thể hiện sinh viên có những hiểu biết về lợi ích của việc QHTD an toàn cũng như mong muốn thực hiện các biện pháp an toàn tốt cho sức khỏe bản thân hơn [3]. Lý giải cho điều này là do tâm lý e ngại, ngượng ngùng khi nói về chuyện QHTD với đối phương, sợ đối phương nghĩ không tốt về mình, sợ đối phương không trả lời [1, 6, 7].

Một số yếu tố liên quan đến kiến thức hành vi tình dục an toàn của sinh viên. Kết quả so sánh giữa các nhóm cho thấy sinh viên nữ có kiến thức về tình dục an toàn cao hơn sinh viên nam. Nữ giới thường cẩn thận, chú ý hơn khi quan hệ tình dục với một ai đó so với nam giới nên nữ giới có mức độ quan tâm đến các nguồn tin về tình dục an toàn thường xuyên hơn nam. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của ThS Bùi Văn Khánh, Phạm Hương Trà Linh và Nguyễn Ngọc Hà [2, 3].

Sinh viên đang trong tình trạng độc thân cũng có kiến thức chung về TDAT và kiến thức bảo vệ khi QHTD tốt hơn sinh viên đã kết hôn. Lý giải cho việc này là các cặp đôi thường đều mong muốn có con sau khi kết hôn, họ đã hiểu rõ về đối phương, lịch sử của vợ/chồng mình. Một phần các cặp vợ chồng chọn tránh thai bằng cách sử dụng các biện pháp như đặt vòng, cấy que tránh thai dưới da,..., vì thế, biện pháp phòng tránh bằng cách bao cao su được sử dụng ít hơn [1, 5].

Sinh viên quan hệ tình dục lần đầu trước 18 tuổi có kiến thức chung về tình dục an toàn thấp hơn sinh viên quan hệ tình dục lần đầu sau 18 tuổi. Có thể lý giải kết quả này là do những sinh viên có QHTD sau 18 tuổi hầu hết đã được học về giáo dục giới tính tại trường, sinh viên sau 18 tuổi đã hoàn thiện nhân cách, thái độ sống, sinh viên có suy nghĩ chín chắn và có trách nhiệm về hành vi của mình, có nhiều mối quan hệ xã hội hơn [2, 7].

V. KẾT LUẬN

Sinh viên có điểm trung bình kiến thức về hành vi tình dục an toàn là 84.1 ± 12.75 trên thang điểm 108 đạt mức trung bình cao với điểm trung bình của đa số hành vi lớn hơn 2 điểm (trên thang điểm 4). Tuy nhiên điểm kiến thức ở một số hành vi còn thấp, bao gồm: Dùng màn

dạo đầu đủ lâu để đeo BCS; Sử dụng chất diệt tinh trùng khi QHTD; Sử dụng găng tay cao su cho màn dạo đầu khi bị đứt tay hoặc tay xước; Tìm hiểu lịch sử QHTD của bạn tình.

Một số yếu tố liên quan đến kiến thức về hành vi tình dục an toàn của sinh viên đó là giới tính, tình trạng hôn nhân, năm học, tình trạng và độ tuổi quan hệ tình dục.

VI. KHUYẾN NGHỊ

Nhìn chung sinh viên đã có những kiến thức nhất định về hành vi tình dục an toàn, tuy nhiên kiến thức không đều ở các mảng và các lứa sinh viên. Hiện tại ở cả 4 trường chưa có nhiều chương trình về vấn đề này. Do đó chúng tôi khuyến nghị nhà trường có thêm nhiều hơn nữa những chương trình giáo dục giới tính, tìm hiểu kiến thức về tình dục an toàn với các kiến thức cụ thể và chuyên sâu, cho sinh viên ngay từ năm đầu tiên bước chân vào trường đại học trong các hoạt động sinh hoạt đầu khóa, ngoại khóa và chương trình đào tạo, tạo điều kiện thoải mái để sinh viên bày tỏ ý kiến, giải quyết tốt vấn đề mình mắc phải.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Hồng Khuất Thu và các cộng sự.**, Cơ thể và đời sống tình dục của phụ nữ, 2014, Nhà xuất bản thể giới, Hà Nội.
2. **Khánh Bùi Văn**, Hành vi tình dục nguy cơ của sinh viên trên địa bàn Hà Nội, 2019 Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. **Linh Phạm Hương Trà**, "Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến hành vi quan hệ tình dục của sinh viên trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ năm 2014", 2016, Kỷ Yếu Hội Nghị KHCN Tuổi Trẻ Các Trường DHCD Y Dược Việt Nam Lần Thứ XVIII, tr. 428 - 431.
4. **Phong Nguyễn Thanh**, Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về các biện pháp tránh thai của sinh viên một số trường đại học/cao đẳng Thành phố Hà Nội và hiệu quả giải pháp can thiệp, 2017, Trường Đại học Y Hà Nội.
5. **Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Quỹ Dân số Liên hiệp quốc** (2011), Dịch vụ Dân số- Kế hoạch hóa gia đình (Tài liệu dùng cho Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số- Kế hoạch hóa gia đình), Hà Nội.
6. **Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Tổng cục Thống kê** (2010), Điều tra Quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam (SAVY2), Hà Nội.
7. **Vân Nguyễn Thanh**, Hành vi tình dục và kiến thức tình dục an toàn của học sinh phổ thông trung học trên địa bàn Hà Nội, Nghiên cứu trường hợp trường phổ thông trung học Phan Đình Phùng - Quận Ba Đình - Hà Nội, 2008, Đại học quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Khoa xã hội học.
8. **I. Baldwin Janice và D. Baldwin John**, "Heterosexual Anal Intercourse: An Understudied, Hig", 2000, Archives of Sexual Behavior. 29(4).